

I. PHẦN LÝ THUYẾT

A. Phần văn bản

1. Nắm được khái niệm thể loại (*Truyền thuyết, Cổ tích, Ngụ ngôn, Truyện cười*) và ý nghĩa của các truyện dân gian đã học;
2. Nắm được khái niệm truyện trung đại và đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của truyện *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*;
3. Nắm được kiến thức về (*tác giả, hoàn cảnh sáng tác; giá trị nội dung, nghệ thuật*) của các văn bản truyện, kí, thơ đã học;
 - Bài học đường đời đầu tiên;
 - Sông nước Cà Mau;
 - Bức tranh của em gái tôi;
 - Vượt thác;
 - Buổi học cuối cùng;
 - Cô Tô;
 - Cây tre Việt Nam;
 - Đêm nay Bác không ngủ
 - Lượm
4. Nắm được kiến thức về (*khái niệm, nội dung, nghệ thuật*) của văn bản nhật dụng đã học *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*.
(*HS chỉ ghi ra các khái niệm, tên các văn bản, tác giả, hoàn cảnh sáng tác; còn ý nghĩa và giá trị nội dung, nghệ thuật của các văn bản trên tự luyện không làm trong đề cương*)

B. Phần Tiếng Việt: Nắm được khái niệm, đặc điểm của các đơn vị kiến thức sau

1. Nắm được khái niệm và lấy VD với các kiến thức (*Từ và cấu tạo từ tiếng Việt; Từ mượn; Nghĩa của từ; Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ; Chữa lỗi dùng từ; Số từ, lượng từ; Chỉ từ, Phó từ*);
2. Nắm được khái niệm và lấy VD về các từ loại và các loại cụm từ (*Danh từ, Cụm danh từ, Động từ, Cụm động từ, Tính từ, Cụm tính từ*);
3. Nắm khái niệm, lấy VD về các biện pháp tu từ (*so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ*), các kiểu câu (*câu trần thuật đơn, câu trần thuật đơn có từ là, câu trần thuật đơn không có từ là*);
4. Chữa lỗi về chủ ngữ, vị ngữ (*kể tên lỗi thường gặp*);
5. Nắm được công dụng của các loại dấu câu đã học (*dấu chấm, chấm hỏi, chấm than, dấu phẩy*).

C. Phần Tập làm văn

Nắm được khái niệm, các đặc điểm của văn tự sự, miêu tả.

II. PHẦN BÀI TẬP

A. Phần văn bản

1. **Dạng 1.** Luyện kể tóm tắt các văn bản đã học;
2. **Dạng 2.** Luyện dạng bài viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật;
3. **Dạng 3.** Dạng bài so sánh, vẽ sơ đồ

- So sánh đặc điểm thể loại (Truyện thuyết - Cổ tích; Ngụ ngôn - Truyện cười);
- Vẽ sơ đồ về các thể loại truyện dân gian.

4. Dạng 4. Tìm các câu tục ngữ, thành ngữ có nội dung phù hợp với ý nghĩa các câu chuyện đã học (*Thầy bói xem voi;Ếch ngồi đáy giếng*);

5. Dạng 5. Thuộc các bài thơ; luyện viết đoạn văn cảm nhận về đoạn thơ, nhân vật;

6. Dạng 6. Tóm tắt các văn bản truyện, viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật.

(Dạng 1,2,5,6 HS tự luyện, không làm trong đề cương).

B. Phần Tiếng Việt

1. Dạng 1. Vẽ sơ đồ về (*Từ tiếng Việt chia theo cấu tạo, các loại danh từ, động từ, tính từ...*), lấy VD;

2. Dạng 2. Luyện đặt câu; viết đoạn văn khoảng 5-7 câu, có ít nhất 1 cụm danh từ, (hoặc 1 cụm động từ hay cụm tính từ). Phân tích cấu tạo của các cụm từ đó. (HS viết trong đề cương 1 đoạn văn chủ đề tự chọn);

3. Dạng 3. Xác định được phó từ, các biện pháp tu từ; các kiểu câu trần thuật; lối chủ ngữ, vị ngữ; công dụng của dấu câu trong các câu, đoạn ngữ liệu;

4. Dạng 4. Đặt câu, viết đoạn văn (hoặc đoạn hội thoại) có sử dụng (phó từ, các biện pháp tu từ, các kiểu câu) đã học;

5. Dạng 5. Ôn lại các bài tập đã làm trong SGK.

(Dạng 3,4,5 HS tự luyện, không làm trong đề cương).

C. Phần Tập làm văn

HS tự luyện xây dựng dàn ý và viết đoạn, viết bài cho các đề bài trong SGK Ngữ văn 6 tập I, II (*Không làm trong đề cương*).

NGƯỜI SOẠN NỘI DUNG

Đặng Thị Thu Hiền